



PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA TRONG HỆ THỐNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

PG.S.TS. NGUYỄN QUỐC HÙNG*

TÓM TẮT

Theo quan niệm phổ biến hiện nay, di sản văn hóa Việt Nam (bao gồm cả di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể) chính là đối tượng của ngành công nghiệp văn hóa và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, hiện còn thiếu cơ chế, tổ chức quản lý, văn bản hướng dẫn để di sản văn hóa vừa phát huy được vai trò trong ngành công nghiệp văn hóa, vừa tránh bị tổn thương từ những tác động khách quan. Qua việc nêu lên những thuận lợi, khó khăn và những thách thức, tác giả bài viết đã đưa ra những định hướng, đề xuất nhằm phát triển bền vững các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực Di sản văn hóa hiện nay.

Từ khóa: di sản văn hóa; công nghiệp văn hóa.

ABSTRACT

According to popular viewpoint today, Vietnam's cultural heritage (including both tangible and intangible cultural heritage) is the object of the cultural industries, and plays an increasingly important role in the development of the country. However, there is still a lack of mechanisms and organizational management, guidelines for cultural heritage to promote its role in the development of cultural industries, as well as to avoid being hurt from the bad impact from this development. Through mentioning these advantages, difficulties and challenges, the author gave directions, recommendations for sustainable development of cultural industries in the field of cultural heritage today.

Key words: Cultural Heritage; Cultural Industries.

1. Nhận diện các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa

Theo quan niệm phổ biến hiện nay, trong các văn bản của Tổ chức Giáo dục, Văn hóa và Khoa học của Liên hiệp quốc (UNESCO), công nghiệp văn hóa hay công nghiệp sáng tạo bao gồm các ngành: xuất bản, âm nhạc, điện ảnh, các sản phẩm nghe nhìn, đa phương tiện và nghề thủ công, thiết kế, kiến trúc và các loại hình nghệ thuật khác như nghệ thuật thị giác, nghệ thuật trình diễn, du lịch văn hóa... Các ngành công nghiệp này đã cấu thành một trong những thành phần năng động của kinh tế và thương mại thế giới, trong tương lai, sẽ còn tăng mạnh nhất là ở những nước đang phát triển như Việt Nam. Theo đánh giá của UNESCO, hiện nay công nghiệp văn hóa chiếm hơn 7% tổng sản phẩm của thế giới và sẽ còn tăng lên trong những năm tới. Từ quan niệm nêu trên về công nghiệp sáng tạo hay công nghiệp văn hóa

của UNESCO trong lĩnh vực di sản văn hóa, thì ở nước ta, di sản văn hóa vật thể bao gồm: các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh cùng các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và di sản văn hóa phi vật thể gồm: nghệ thuật trình diễn, nghề thủ công truyền thống... đều là những đối tượng của ngành công nghiệp văn hóa.

Di sản văn hóa có đặc trưng là những tài sản văn hóa tiêu biểu, mang bản sắc văn hóa dân tộc do tiền nhân để lại, dễ bị tổn thương. Không giống các ngành công nghiệp văn hóa khác, như: xuất bản, điện ảnh, âm nhạc luôn sáng tạo ra các sản phẩm mới, phục vụ thị hiếu đa dạng của công chúng, di tích lịch sử - văn hóa có đặc điểm là được người xưa sáng tạo, việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa luôn phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ, bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành di tích và sự toàn vẹn đối với di sản văn hóa vật thể. Không làm sai lệch các giá trị cốt lõi của di sản văn hóa phi vật thể trong quá trình khai thác giá trị với mục đích phát triển

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

kinh tế. Cụ thể là đối với các di tích kiến trúc nghệ thuật cần bảo vệ các yếu tố, như: địa điểm và cảnh quan, chất liệu, thiết kế, hình dáng, chức năng và tác dụng, truyền thống và kỹ thuật, địa điểm và cảnh quan, tinh thần và tình cảm, cùng các yếu tố bên trong và bên ngoài khác theo *Hướng dẫn thực hiện Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* của Trung tâm di sản thế giới¹. Sự sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới chỉ được thực hiện trên cơ sở bảo tồn tốt các yếu tố gốc cấu thành di tích. Những công trình tôn tạo hoặc xây dựng mới phải phù hợp với cảnh quan và góp phần nâng cao giá trị của kiến trúc nghệ thuật, tạo sức hút đối với công chúng theo quy định của *Luật di sản văn hóa* của Việt Nam^{2,3}. Đối với các nghề thủ công truyền thống, cần giữ gìn các bí quyết nghề nghiệp, bên cạnh các đề tài, sản phẩm truyền thống, tập trung sáng tạo ra những mẫu sản phẩm mới, việc ứng dụng các công nghệ mới để chế tạo các sản phẩm cần thực hiện ở những công đoạn thích hợp như thiết kế, chế tạo thô, việc hoàn thiện sản phẩm nên thực hiện bằng các phương pháp thủ công truyền thống. Đối với nghệ thuật trình diễn, việc bổ sung các bài, bản, hình thức biểu diễn mới để thu hút công chúng là cần thiết, tuy nhiên, cần hết sức lưu ý bảo tồn các yếu tố nghệ thuật truyền thống. Đối với lễ hội truyền thống, cần giữ gìn tính thiêng của lễ hội, qua lễ hội, tăng cường sự đoàn kết và biểu dương sức mạnh cộng đồng, thể hiện sự sáng tạo và truyền bá văn hóa của cộng đồng, sự hưởng thụ văn hóa của cộng đồng, giữ gìn sắc thái văn hóa riêng của địa phương, vùng miền...

Di sản văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, trong giáo dục truyền thống yêu nước, uống nước nhớ nguồn, nâng cao lòng tự hào dân tộc. Ngày nay, tiềm năng kinh tế của di sản văn hóa đã và đang được phát huy mạnh mẽ, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước, đã và trở thành một bộ phận của các ngành công nghiệp văn hóa. Hàng ngàn di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã trở thành các sản phẩm du lịch văn hóa, hàng trăm làng nghề thủ công truyền thống, các loại hình nghệ thuật trình diễn đã và đang góp phần đáng kể vào sự phát triển chung của đất nước. Trong tương lai, di sản văn hóa sẽ còn đóng vai trò quan trọng hơn nữa trong sự phát triển kinh tế của đất nước nếu như các tiềm năng, thế mạnh của các loại hình công nghiệp văn hóa được khai thác đầy đủ.

2. Hoạt động của các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa trong thời gian qua

Đối với di sản văn hóa vật thể, tiếp tục tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các điểm di tích tôn giáo, tín ngưỡng, có nhiều hoạt động mang tính sáng tạo trong quá trình tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật, nhiều công trình kiến trúc được phục dựng, xây mới, không ít di tích tổ chức nhà trưng bày, bảo tàng tại di tích. Cơ sở dịch vụ du lịch tại các di tích cũng đã được đầu tư nâng cấp, phương tiện giao thông ngày càng hiện đại, đáp ứng nhu cầu tham quan du lịch của du khách trong và ngoài nước.

Nhiều điểm du lịch văn hóa được mở ra xung quanh các khu di sản văn hóa truyền thống, tiêu biểu ở các di sản văn hóa và thiên nhiên được ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của UNESCO như Huế, Hội An. Trong các khu vực bảo vệ của các di sản này, đã hình thành chuỗi các điểm du lịch, ở các khu vực phụ cận còn có các tuyến du lịch làng nghề, làng vườn, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch biển... vừa tạo ra các sản phẩm văn hóa đại chúng mới, đồng thời góp phần giảm tải cho các khu vực lõi của di sản.

Bên cạnh hệ thống bảo tàng công lập, xuất hiện ngày càng nhiều bảo tàng ngoài công lập, nhiều sưu tập cổ vật mới hình thành. Hệ thống các bảo tàng đã có nhiều hình thức hoạt động kinh tế bên cạnh việc bán vé tham quan, bán các sản phẩm giới thiệu về bảo tàng và hiện vật bảo tàng, đồ lưu niệm cùng một số dịch vụ ăn uống.

Đối với di sản văn hóa phi vật thể, sự phát triển du lịch văn hóa đã góp phần phục hồi các nghề thủ công truyền thống, nhiều làng nghề thủ công truyền thống đã trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn thường xuyên. Các làng gốm, như: Bát Tràng (Hà Nội), Phù Lãng (Bắc Ninh), Bàu Trúc (Ninh Thuận), Biên Hòa, Lái Thiêu, Minh Long (Bình Dương); Làng chuyên chế tác vàng, bạc, như: Đồng Xâm (Thái Bình), Thanh Trì (Hà Nội), Châu Khê (Hải Dương); làng sơn mài, đồ gỗ, đồ đồng, đồ vải, thêu thùa... ngày càng khởi sắc. Các làng nghề ngày nay bên cạnh việc phục hồi sản xuất theo các mẫu mã truyền thống, ngày càng có điều kiện để sáng tạo ra các mẫu mã mới, đưa các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất hàng loạt, tạo ra các sản phẩm phục vụ đời sống, sinh hoạt ở trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Việc sử dụng các công nghệ mới vào sản xuất, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm đã và đang được thực hiện ngày càng quy mô, nhất là các mặt hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống. Theo số liệu của Hội nghị Liên hiệp quốc về thương





Một góc Đại nội Huế - Ảnh: Phan Thanh Hải

mại và phát triển (UNCTAD) năm 2008, Việt Nam là một quốc gia xuất khẩu đồ thủ công mỹ nghệ lớn trên thế giới, riêng năm 2008 đạt doanh số 349 triệu USD, chiếm 1,08 % thị phần ngành thủ công mỹ nghệ trên thế giới, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm (giai đoạn 2003 - 2008) là 18,9 %⁴.

Trong quá trình đó, không ít bộ môn nghệ thuật trình diễn truyền thống vừa chú ý bảo tồn các bài, bản gốc vừa có những sáng tạo mới phù hợp với nhịp điệu của cuộc sống hiện đại, nhu cầu đa dạng hiện nay. Nghệ thuật truyền thống không chỉ phục vụ du khách khi họ đến Việt Nam, mà nhiều đoàn nghệ thuật truyền thống của Việt Nam đã ra nước ngoài biểu diễn, những chuyến lưu diễn đó không chỉ góp phần quảng bá hình ảnh các di sản văn hóa đa dạng của Việt Nam, mà còn là một hình thức quảng cáo cho thương hiệu của một ngành công nghiệp văn hóa.

Di sản văn hóa đã, đang trở thành các sản phẩm phục vụ đắc lực cho hoạt động phát triển kinh tế của đất nước. Có thể nói, các sản phẩm trong lĩnh vực di sản văn hóa đang dần được phân phối trên thị trường trong và ngoài nước, nhiều sản phẩm đã có thị trường tiêu thụ ổn định và được đăng ký bản quyền theo thông lệ quốc tế và *Luật bản quyền* của Việt Nam.

Việc tuyên truyền, quảng bá cho các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa được thực hiện thông qua các kênh quảng cáo du lịch Việt Nam. Hầu hết các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới và một số di sản văn hóa quốc gia đặc biệt, các bảo tàng ở Việt Nam đã xây dựng các trang Website và nhiều hình thức khác để tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá di sản.

Trong những năm qua, di sản văn hóa đã góp phần tạo công ăn việc làm cho cộng đồng địa phương và các ngành nghề dịch vụ du lịch. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được phục hồi, bảo tồn và phát triển. Sự phát triển của các ngành công nghiệp trong lĩnh vực di sản văn hóa đã đóng góp vào sự phát triển của xã hội, thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa, đóng góp không nhỏ vào sự tăng trưởng du lịch nước nhà. Từ 2014 đến nay, ngành Du lịch đã đóng góp 6 % GDP của cả nước, trong đó du lịch văn hóa đóng góp một tỉ trọng không nhỏ⁵.

3. Những thuận lợi và khó khăn trong phát triển các ngành công nghiệp trong lĩnh vực di sản văn hóa hiện nay

3.1. Thuận lợi

Di sản văn hóa ở nước ta nói chung, các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản văn



hóa nói riêng đã, đang nhận được sự quan tâm của Nhà nước và cộng đồng, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã và đang được hoàn thiện. Nước ta đã có *Luật di sản văn hóa năm 2001, sửa đổi bổ sung 2009* và nhiều văn bản hướng dẫn thi hành *Luật di sản văn hóa*, như Nghị định, Thông tư, ... về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa... Nhiều cuộc hội thảo khoa học về công nghiệp sáng tạo, công nghiệp văn hóa được tổ chức, một số trường đại học đã đưa công nghiệp văn hóa vào chương trình giảng dạy.

Ngày càng có nhiều di sản văn hóa được nghiên cứu, lập hồ sơ vinh danh ở các cấp độ khác nhau, từ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp theo quy định tại các *Công ước Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên 1972⁶*, *Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể 2003* của UNESCO⁷.

Cho đến nay, Việt Nam đã có 8 di sản văn hóa và thiên nhiên được ghi vào Danh sách di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới là: Quần thể di tích kiến trúc Huế (Thừa Thiên - Huế), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), khu di tích Chăm Mỹ Sơn, Khu phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình), Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng

Long - Hà Nội, Thành nhà Hồ (Thanh Hóa), Quần thể danh thắng Tràng An (Ninh Bình). 8 di sản văn hóa phi vật thể được ghi vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại là: Nhã nhạc cung đình Huế, Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, Dân ca quan họ Bắc Ninh, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương (Phú Thọ), Đờn ca tài tử Nam Bộ, Ví Giặm Nghệ Tĩnh, Kéo co, Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, 2 di sản văn hóa được ghi vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp là: Ca trù và hát Xoan (Phú Thọ); 2 di sản tư liệu được ghi vào trong Chương trình Ký ức thế giới là: Mộc bản triều Nguyễn, 82 bia Văn miếu - Quốc Tử giám Hà Nội; 4 di sản được ghi vào Chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương là: Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang), Châu bản triều Nguyễn, Thơ văn trên kiến trúc Huế, Mộc bản trường Phúc Giang (Hà Tĩnh). Hơn 3460 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia, hơn 7500 di tích cấp tỉnh, hơn 170 di sản văn hóa phi vật thể được ghi vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia... con số này sẽ còn tiếp tục tăng lên hàng năm.

Hàng ngàn di tích lịch sử - văn hóa được đầu tư tu bổ thông qua chương trình mục tiêu quốc gia chống xuống cấp và tôn tạo di tích từ 1994 đến 2015. Hàng trăm di sản văn hóa phi vật thể được



ngiên cứu, lưu trữ, phát huy giá trị. Đội ngũ cán bộ về di sản văn hóa được đào tạo ở trong nước và quốc tế. Việt Nam đã tham gia hầu hết các Công ước quốc tế về di sản văn hóa và thiên nhiên, di sản văn hóa phi vật thể, chống vận chuyển và buôn bán cổ vật trái phép... Nhiều di sản văn hóa nhận được sự trợ giúp của các tổ chức quốc tế cả về vật chất và tinh thần, sự hỗ trợ về kinh phí, vật tư, ý kiến tham vấn, đào tạo, tập huấn...

Di sản văn hóa được đưa vào tour/tuyến du lịch không chỉ thu hút khách du lịch trong nước mà còn nhận được sự quan tâm của hàng triệu lượt khách nước ngoài... Công tác quảng bá về di sản văn hóa ngày càng được chú trọng. Bước qua giai đoạn bảo vệ khẩn cấp, các di sản văn hóa ở nước ta đang được bảo tồn theo hướng gắn với phát triển bền vững.

3.2. Những khó khăn, thách thức

Trước hết là nhận thức chưa đầy đủ của các cấp lãnh đạo trung ương và địa phương về sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa nói chung, công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản nói riêng. Vẫn còn những quan niệm đánh đồng sự phát triển các ngành công nghiệp văn hóa với việc thương mại hóa trong một số lĩnh vực. Việc phát triển kinh tế trong văn hóa tại một số địa phương vẫn chưa được coi trọng, thậm chí còn bị ngăn cản, phê phán. Một số hạn chế về quan niệm kinh tế trong văn hóa, kinh tế trong di sản văn hóa tại một số ban, ngành địa phương, sự chậm chạp trong việc đưa các hoạt động dịch vụ vào các khu vực di sản văn hóa. Ở chiều ngược, một số nơi lại chỉ quan tâm đến việc khai thác kinh tế, làm cho di sản văn hóa bị thương mại hóa làm sai lệch, biến dạng di sản văn hóa.

Thứ hai là nhận thức về vai trò, sự đóng góp của công nghiệp văn hóa đối với sự phát triển đất nước của các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương chưa thỏa đáng. Các cơ quan quản lý nhà nước chưa đánh giá đúng những tiềm năng, lợi thế và sự đóng góp của công nghiệp văn hóa đối với sự phát triển của đất nước, địa phương.

Thứ ba, nước ta chưa có một tổ chức chuyên theo dõi về công nghiệp sáng tạo, công nghiệp văn hóa từ trung ương đến địa phương, dẫn đến tình trạng không nắm được các thông tin cơ bản về các ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta nói chung, di sản văn hóa nói riêng, không nắm được khuynh hướng phát triển cụ thể, đặc thù của các ngành công nghiệp văn hóa. Những nghiên cứu đánh giá về công nghiệp văn hóa ở nước ta thời gian qua đa phần dựa trên những nhận định chủ quan của từng tác giả, phần lớn là ước đoán định tính. Thậm chí

vẫn có người cho rằng, nước ta không có nền công nghiệp văn hóa, có người lại cho rằng, các ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta đã có nhưng còn ở trạng thái sơ khai...

Nước ta cũng chưa có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật riêng cho lĩnh vực công nghiệp văn hóa, hầu hết mới chỉ là những văn bản mang tính chủ trương, chưa có những quy định cụ thể phù hợp với từng lĩnh vực, từng địa phương nên các hoạt động vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa huy động được các nguồn lực hỗ trợ cho các ngành công nghiệp văn hóa, nhất là các ngành trong lĩnh vực di sản văn hóa vốn phi lợi nhuận.

Thứ tư, chưa có những tiêu chí (danh sách) quốc gia của các ngành công nghiệp văn hóa (công nghiệp sáng tạo). Các nghiên cứu về công nghiệp văn hóa đều vận dụng các tiêu chí, kinh nghiệm của UNESCO và một số quốc gia khác. Hiện nay, chưa rõ cơ quan nào ở nước ta có nhiệm vụ xây dựng bộ tiêu chí (danh sách) quốc gia các ngành công nghiệp văn hóa/công nghiệp sáng tạo để làm tiền đề cho việc nghiên cứu đánh giá về các ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta.

Thứ năm, chúng ta chưa nắm được tình hình phân bố, số liệu của các ngành công nghiệp văn hóa từ trung ương đến địa phương, mới chỉ là sự áng chừng, ước đoán rất khó có cơ sở cho những quyết sách phù hợp với tình hình chung của cả nước và từng ngành, từng địa phương.

Thứ sáu, thực tiễn hoạt động của các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa còn nhiều hạn chế, như: sản phẩm của các ngành công nghiệp dựa vào công nghệ, phục vụ đại chúng, sản xuất hàng loạt dẫn đến chất lượng thấp, nhàm chán, ít sáng tạo, ít sản phẩm mới, tiêu thụ chậm. Công tác quảng bá sản phẩm còn manh mún, không quan tâm đến nhu cầu khách hàng, công chúng, thị trường không ổn định; lại vướng phải sự cạnh tranh mạnh mẽ, có phần lấn át của các văn hóa phẩm nước ngoài vốn rất đa dạng, bắt mắt, phù hợp với thị hiếu của nhiều người, giá cả hợp lý, nhất là tại các khu di sản có nhiều khách du lịch và trong các kỳ lễ hội. Có thể nói, hiện nay đang tồn tại hiện tượng văn hóa phẩm của nước ngoài chiếm lĩnh các tụ điểm di tích, đã và đang lấn át các sản phẩm văn hóa trong nước...

3.3. Một số nguy cơ

Đặc điểm của các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa luôn đòi hỏi trong sự sáng tạo phải giữ gìn được yếu tố gốc, sự xác thực, tính toàn vẹn đối với di sản văn hóa vật thể; không làm sai lệch, mai một đối với di sản văn hóa phi vật



thể, nên trong quá trình phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa, thường gặp phải các nguy cơ sau:

- Các di tích kiến trúc nghệ thuật thường phải đối mặt với những quan niệm: làm cho di tích to lớn, khang trang, đưa thêm các tượng thần, Phật, các con vật và đồ tự khí - vốn không có trước đây vào làm biến dạng di tích. Những hành động đó không chỉ làm thay đổi yếu tố gốc, mà còn làm giảm các giá trị nghệ thuật lâu đời của di tích.

- Một số công trình kiến trúc liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng được xây mới ngày càng nhiều tại các di tích như đền, chùa cũng làm thay đổi mặt bằng quy hoạch kiến trúc truyền thống.

- Các ngành nghề thủ công phải đối mặt với sự xâm nhập, cạnh tranh ngày càng khốc liệt của các mặt hàng thủ công mỹ nghệ của nước ngoài, từ đó, bản thân các làng nghề cũng đã phải chuyển đổi, đưa khoa học công nghệ mới vào sản xuất. Nhiều mẫu mã mới ra đời, việc làm đồ giả cổ xuất hiện ngày càng nhiều, nhằm phục vụ nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế. Quá trình đó làm cho một số ngành nghề, kỹ thuật thủ công truyền thống bị mai một, số lượng nghệ nhân cũng ít đi.

- Đối với nghệ thuật trình diễn, nhiều bài, bản truyền thống đã được cải biên, rút ngắn, đưa lên sân khấu trình diễn, xa rời các không gian thiêng, không gian truyền thống, tách khỏi cộng đồng. Cổng chiêng Tây Nguyên "rời khỏi" núi rừng lên sân khấu, Quan họ Bắc Ninh rời khỏi hội hè về hát tại các quán cà phê, khách sạn, nhà hàng... Hầu đồng ra khỏi phủ, đền, điện, tính ban, thực hành tại một số ngôi đình, sân khấu... làm sai lệch tính chất và hình ảnh của nghệ thuật trình diễn truyền thống...

- Trong thời gian qua, tại các di tích liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng, đã có những "sáng tạo" đánh vào tâm lý mong muốn phát đạt, cầu phúc, cầu tài của người hành hương, du khách trong các kỳ lễ hội, như: việc phát ấn ở đền Trần (Nam Định), phát lương tại đền Trần Thương (Hà Nam)...

Những việc làm trên đã góp phần tạo nên những nguồn thu trong hoạt động của di sản văn hóa. Tuy nhiên nếu không có sự nghiên cứu thấu đáo những gì nên/không nên làm, rất dễ dẫn đến tình trạng di sản văn hóa cùng những giá trị văn hóa truyền thống sẽ bị biến dạng, sai lệch.

4. Một vài suy nghĩ nhằm phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa hiện nay.

Các hạn chế và nguy cơ của việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản

văn hóa đã cho thấy công tác quản lý chưa được quan tâm đúng mức. Tiềm năng, nguồn lực của các ngành công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa chưa được đánh giá và khai thác một cách bài bản và khoa học. Hoạt động của các ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta còn rất manh mún, tự phát, chưa được tổ chức, sắp xếp, định hướng bài bản, đây cũng là tình trạng chung của các nước đang phát triển (theo đánh giá của tổ chức UNESCO). Nhà nước chưa quan tâm đến những đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa cho sự phát triển. Vì vậy, để các ngành công nghiệp văn hóa có thể định hình và phát triển, chúng tôi đề xuất một số ý kiến sau:

4.1. Trước hết, cần nhận thức sâu sắc hơn về công nghiệp văn hóa (công nghiệp sáng tạo) nói chung và trong lĩnh vực di sản văn hóa nói riêng; Cần đánh giá đúng vai trò, sự đóng góp của công nghiệp văn hóa, tạo điều kiện để công nghiệp văn hóa phát triển, phù hợp với hoàn cảnh, đồng thời, lường trước những mặt trái, hạn chế của phát triển công nghiệp văn hóa đối với di sản văn hóa để có những quyết sách phù hợp, tránh xảy ra những hậu quả nghiêm trọng.

4.2. Cần thành lập hệ thống tổ chức chuyên quản lý, theo dõi về công nghiệp văn hóa từ Trung ương đến địa phương để nắm bắt các thông tin cơ bản về các ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta nói chung, di sản văn hóa nói riêng, nắm được các dữ liệu cơ bản, khuynh hướng phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa. Từ đó, xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật riêng cho lĩnh vực công nghiệp văn hóa (có thể bổ sung chức năng, nhiệm vụ, tổ chức cho ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch từ trung ương đến địa phương và sự phối hợp của các bộ, ngành, địa phương liên quan). Chỉ khi có một tổ chức chuyên biệt, các ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta mới có thể vận hành đồng bộ như các ngành công nghiệp khác.

4.3. Xây dựng bộ các tiêu chí (danh sách) quốc gia cụ thể cho các ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta, trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của UNESCO và một số nước có ngành công nghiệp văn hóa phát triển, làm cơ sở cho việc nghiên cứu đánh giá, chỉ đạo, điều hành, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở nước ta.

4.4. Trên cơ sở danh sách các ngành công nghiệp văn hóa được lựa chọn, tiến hành thống kê (statistic), lập bản đồ phân bố (mapping) về công nghiệp văn hóa ở các địa phương trên cả nước. Việc làm này nhằm giúp Chính phủ nhận



diện chính xác sự đóng góp của công nghiệp văn hóa vào sự phát triển kinh tế đất nước; Cần tiến hành rà soát lại các hoạt động mang tính công nghiệp văn hóa, tiến hành đánh giá, phân loại các hoạt động công nghiệp văn hóa của đất nước, nhận diện đầy đủ tiềm năng của công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa nói riêng, các ngành công nghiệp văn hóa cả nước nói chung; Cung cấp những thông tin cần thiết để xây dựng các chính sách phù hợp hỗ trợ cho công nghiệp văn hóa (hiện nay, chúng ta chưa có thống kê đầy đủ nên có những nhận định khác nhau về công nghiệp văn hóa - kinh nghiệm ở các nước Mỹ Latin và châu Phi cũng tương tự); Thống kê sử dụng nhân lực và cán cân thương mại quốc tế trong công nghiệp văn hóa; Xây dựng mạng lưới thông tin về công nghiệp văn hóa...

4.5- Trên cơ sở bộ tiêu chí quốc gia, xác định rõ tiềm năng phát triển của những hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hóa thuộc công nghiệp văn hóa, để có những chính sách hỗ trợ, phát huy lợi thế, tăng cường tìm kiếm các nguồn lực phát triển các ngành công nghiệp văn hóa mũi nhọn, như: sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật trình diễn...

Việc phân phối sản phẩm cần chú ý đa dạng hóa các hình thức. Đối với di sản kiến trúc nghệ thuật là bất động sản, cần tăng cường quảng bá, xây dựng tour/tuyến du lịch theo phương châm "đơn giản, thuận tiện, an toàn", đơn giản các thủ tục xuất nhập cảnh, nâng cấp cơ sở vật chất và phương tiện giao thông để mọi người tiếp cận di sản một cách dễ dàng, thuận tiện. Đối với các làng nghề truyền thống, bên cạnh việc giới thiệu quảng bá sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, hội chợ, triển lãm, các tụ điểm du lịch ở trong và ngoài nước, cần tạo điều kiện để du khách tiếp cận làng nghề, sản phẩm thủ công dưới hình thức tham quan du lịch. Để giới thiệu nghệ thuật trình diễn, ngoài các hình thức phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, Internet, các phương tiện nghe nhìn kỹ thuật số, cần tạo điều kiện để các nghệ nhân có điều kiện trình diễn, giới thiệu ở các kỳ lễ hội, hội thi, hội diễn, các sân khấu nhỏ trong và ngoài nước. Có thể dàn dựng các vở diễn công phu, hoành tráng, tận dụng các thành quả công nghệ hiện đại và tăng thêm sự tham gia của công chúng vào các hoạt động nghệ thuật trình diễn.

Tăng cường giới thiệu các di sản văn hóa tiêu biểu của nước ta ra thế giới, thông qua việc tiếp tục khảo sát, xây dựng hồ sơ đề nghị UNESCO ghi

danh các di sản văn hóa và thiên nhiên, di sản văn hóa phi vật thể vào các danh mục di sản văn hóa thế giới.

Tiếp tục đẩy mạnh việc sáng tạo nhằm tăng thêm sức cạnh tranh trong quá trình phân phối sản phẩm của các ngành thủ công truyền thống và nghệ thuật trình diễn ở trong nước và nước ngoài. Đẩy mạnh việc đăng ký bản quyền cho các sáng tạo, sản phẩm văn hóa để tạo sự an toàn cho các hoạt động sáng tạo văn hóa ở nước ta trước sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt của thị trường và nạn tranh chấp bản quyền./

N.Q.H

Chú thích và Tài liệu tham khảo:

1- Trung tâm di sản thế giới, *Hướng dẫn thực hiện công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới 2015* (Operational Guidelines for the Implementation of the World Heritage Convention 2015).

2- Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 (2001), *Luật di sản văn hóa*.

3- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 5 (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa*.

4- Nguyễn Thị Thu Hà, "Hỗ trợ nhà nước cho phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo: trường hợp chiến lược Cool Japan, Nhật Bản", *Tạp chí Văn hóa học*, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, số 3 (25) - 2016, trang 58 -67.

5- Nguyễn Văn Tuấn (2015), "Du lịch Việt Nam hành trình 55 năm thành lập và phát triển", *Tạp chí Du lịch*, số 7/2015, tr. 6 - 7.

6- UNESCO, *Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới 1972* (Convention On Protection of the World Cultural and Natural Heritage, 1972).

7- UNESCO, *Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể 2003* (Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage 2003).

8- UNESCO, *Công ước về bảo vệ và tăng cường sự đa dạng của biểu đạt văn hóa 2005* (Convention on Protection and Promotion of the Diversity of Cultural Expression, 2005).

9- Đỗ Thị Thanh Thủy (2015), "Một số biện pháp để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa - Bài học từ các nước trên thế giới", *Tạp chí Văn hóa học*, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam số 5 (21) - 2015, tr. 38 - 48.

10- Báo cáo của chuyên gia tư vấn UNESCO (2012), "Cơ chế tài chính mới thúc đẩy việc đầu tư và tài trợ cho ngành công nghiệp sáng tạo ở Việt Nam". Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.

11- www.unesco.org/cultural/industries

12- <http://www.unesco.org/new/en/culture/themes/creativity/unesco-world-forum-on-cultural-industries/>

(Ngày nhận bài: 26/11/2016; ngày phản biện đánh giá: 19/12/2016; ngày duyệt đăng bài: 01/01/2017).